ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4698/UBND-TH V/v kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2017	*Đắk Lắk, ngày 16 tháng 6 năm 2016*

Kính gửi: Các Sở, ngành

Thực hiện Công văn số 4333/BKHĐT-TH ngày 06/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Khung hướng dẫn kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2017 (phô tô văn bản đính kèm), UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai Công văn trên, đảm bảo nội dung và thời gian Bộ Kế hoạch và Đầu tư yêu cầu.

Nhận được Công văn này, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (N-65)

TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG

Bùi Hồng Quý

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4333/BKHĐT-TH V/v Khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển KTXH năm 2017	*Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2016*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK
Số: ....5397...
ĐẾN 10-06-2016
Chuyển:.....

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Hợp tác xã;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.

Thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi đến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước (dưới đây gọi tắt là các Bộ, ngành trung ương và địa phương) Khung hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017.

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 5 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2016

Tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá XIII đã thông qua Nghị quyết số 98/2015/QH13 ngày 10 tháng 11 năm 2015 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016, Nghị quyết số 99/2015/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 và Nghị quyết số 101/2015/QH13 ngày 14 tháng 11 năm 2015 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2016.

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Quyết định[1] giao kế hoạch năm 2016, gồm giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; dự toán ngân sách nhà nước; kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước; kế hoạch đầu tư vốn trái phiếu Chính phủ. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2016 về các giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 với 9 nhóm nhiệm vụ, giải pháp hướng tới mục tiêu giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, tạo môi trường và động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ; bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ công bằng xã hội; quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, phục vụ tốt nhất người dân và doanh nghiệp; tạo chuyển biến căn bản về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tăng cường quốc phòng an ninh, giữ vững chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định và tạo điều kiện thuận lợi để phát triển đất nước; tăng cường công tác thông tin truyền thông. Đồng thời, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các các cấp, các ngành khẩn trương triển khai giao và tổ chức thực hiện kế hoạch ngay từ đầu năm.

Dưới đây là đánh giá về tình hình kinh tế - xã hội 5 tháng đầu năm, dự báo khả năng thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 và một số giải pháp chủ yếu cần tập trung chỉ đạo thực hiện trong những tháng cuối năm:

I. VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2016

1. Về thực hiện mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô

a) Về giá cả thị trường:

Trong 5 tháng đầu năm, với việc thực hiện đồng bộ các giải pháp ổn định kinh tế vĩ mô, phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tài khoá và tiền tệ,

---

[1] Quyết định số 2313/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016; số 2397/QĐ-TTg ngày 28/11/2015 về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2016; số 2100/QĐ-TTg ngày 28/12/2015 về giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016; số 2526/QĐ-TTg ngày 31/12/2015 về giao kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2016; số 2525/QĐ-TTg ngày 31/12/2015 về việc giao kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước năm 2016; số 2527/QĐ-TTg ngày 31/12/2015 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước năm 2016; số 801/QĐ-TTg ngày 12/5/2016 về giao kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 (đợt 2); số 815/QĐ-TTg ngày 14/5/2016 về điều chỉnh kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015; số 816/QĐ-TTg ngày 14/5/2016 về giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2016 (đợt 2).

quản lý giá, lạm phát tiếp tục được kiểm soát theo mục tiêu đề ra. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 5 tăng 1,88% so với tháng 12/2015. So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 5 tăng 2,28%, bình quân 5 tháng tăng 1,59%.

Tuy nhiên, đáng chú ý là chỉ số giá tiêu dùng (CPI) so với tháng trước đã liên tục tăng trong 4 tháng qua[2]. Nguyên nhân chủ yếu là do: (i) Giá xăng, dầu được điều chỉnh tăng theo giá dầu thế giới, tác động làm tăng chỉ số giá nhóm giao thông; (ii) Giá lương thực, thực phẩm tăng do nhu cầu xuất khẩu gạo tăng và tác động của thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn làm năng suất và sản lượng lúa đông xuân giảm ; (iii) Giá gas trong nước điều chỉnh tăng theo giá gas thế giới, tác động làm tăng chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng. Tình hình nêu trên cho thấy lạm phát 5 tháng đầu năm thấp, nhưng vẫn tiềm ẩn nguy cơ lạm phát tăng cao, đặc biệt là tình hình giá dầu thô và lương thực, nông sản trên thị trường thế giới tiếp tục tăng.

b) Về tiền tệ, tín dụng:

Tính đến ngày 20/5/2016, tổng phương tiện thanh toán ước tăng 5,88% so với tháng 12/2015 (cùng kỳ năm 2015 tăng 3,64%); tổng số dư tiền gửi của khách hàng tại các tổ chức tín dụng ước tăng 5,52% (cùng kỳ năm 2015 tăng 2,94%). Tăng trưởng dư nợ đối với nền kinh tế tăng 4,52%, cao hơn cùng kỳ năm trước (cùng kỳ tăng 4,26%).

Giá trị đồng nội tệ cơ bản ổn định; tỷ giá ngoại tệ dao động trong biên độ cho phép. Lãi suất huy động và cho vay bằng VND và bằng USD tương đối ổn định, đáng chú ý là nhiều ngân hàng đã điều chỉnh giảm lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam[3].

c) Về thu - chi ngân sách nhà nước

Tổng thu NSNN 5 tháng đầu năm ước đạt 396,2 nghìn tỷ đồng, bằng 39,1% dự toán (cùng kỳ bằng 41,8% dự toán năm) ; trong đó: thu nội địa bằng 40,9% dự toán (cùng kỳ bằng 44,3%); thu từ dầu thô bằng 29,2% dự toán (cùng kỳ bằng 32,6% dự toán); thu từ hoạt động xuất nhập khẩu bằng 34,1% dự toán (cùng kỳ bằng 37,7% dự toán).

---

[2] Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 2/2016 tăng 0,42%; tháng 3/2016 tăng 0,57%; tháng 4/2016 tăng 0,33% và tháng 5/2016 tiếp tục tăng 0,54% so với tháng trước

[3] Sau khi có chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, nhiều ngân hàng đã giảm 0,5%/năm lãi suất cho vay ngắn hạn và điều chỉnh giảm lãi suất cho vay trung và dài hạn xuống 10%/năm đối với một số lĩnh vực ưu tiên, vay phục vụ sản xuất, kinh doanh. Lãi suất cho vay phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6-7%/năm đối với ngắn hạn (Đối với nhóm khách hàng có tài chính lành mạnh, minh bạch, lãi suất cho vay từ 5-6%/năm); 9-10%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3-11%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất huy động bằng USD ở mức 0 %/năm đối với tiền gửi của cá nhân và tổ chức; lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức 2,8-6,2%/năm; trong đó lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 2,8-5,2%/năm; cho vay trung, dài hạn ở mức 5,3-6,2%/năm.

Tổng chi NSNN 5 tháng đầu năm ước đạt 466,3 nghìn tỷ đồng, bằng 36,6% dự toán năm, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2015 bằng 39,7%); trong đó: chi đầu tư phát triển bằng 29,3% tổng số vốn kế hoạch 2016 giao đợt 1 (cùng kỳ năm 2015 bằng 37,4%); chi trả nợ và viện trợ bằng 41,6% dự toán (cùng kỳ năm 2015 bằng 43,2%); chi thường xuyên (bao gồm chi cải cách tiền lương) bằng 40,3% dự toán (cùng kỳ bằng 40,9%).

2. Về thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế

Các Bộ, ngành trung ương và địa phương tích cực triển khai thực hiện các giải pháp, chính sách hỗ trợ và thúc đẩy sản xuất, kinh doanh trong Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ, các Nghị quyết của Chính phủ về giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh[4] và các Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ hằng tháng, tình hình kinh tế tiếp tục chuyển biến và đạt được những kết quả nhất định.

a) Về sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tiếp tục phục hồi nhưng chậm; mức tăng trưởng ngành công nghiệp thấp hơn cùng kỳ do ngành khai khoáng tăng trưởng âm và công nghiệp chế biến, chế tạo tăng thấp hơn cùng kỳ năm trước.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 5 tháng đầu năm tăng 7,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ tăng 9,4%); trong đó: sản xuất, phân phối điện tăng 12% (cùng kỳ tăng 10,9%); công nghiệp chế biến chế tạo tăng 9,7% (cùng kỳ tăng 9,9%); cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải tăng 8,5% (cùng kỳ tăng 6,3%); khai khoáng giảm 1,2% (cùng kỳ tăng 6,3%).

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng thấp chủ yếu do: (1) công nghiệp khai khoáng tăng trưởng âm (-) 1,2%[5]; và (2) sự giảm sút của tốc độ tăng công nghiệp chế biến.

Về khai thác dầu thô: sản lượng khai thác 5 tháng đầu năm ước đạt 6,61 triệu tấn, giảm 4,5% so với cùng kỳ năm trước; chủ yếu do yếu tố kỹ thuật và giá dầu thô xuống thấp.

Sản xuất điện tiếp tục tăng trưởng khá so với cùng kỳ. Hệ thống điện quốc gia vận hành an toàn, ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu điện cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, sinh hoạt của người dân[6]. Điện thương phẩm ước

---

[4] Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2014, Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 và Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2016, Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

[5] Nguyên nhân chủ yếu do khai thác dầu thô (chiếm tỷ trọng cao nhất) giảm 4,5% so với cùng kỳ năm trước do giá dầu thế giới giảm mạnh so với cùng kỳ.

[6] Điện sản xuất và mua ước đạt 69,82 triệu kWh, tăng 11,8% so với cùng kỳ, trong đó điện mua Trung Quốc 915 triệu kWh, tăng 25,7 so cùng kỳ 2015.

đạt 61,692 triệu kWh, tăng 11,94% so với cùng kỳ. Hầu hết các hộ tiêu thụ điện đều có mức tiêu thụ điện năng tăng cao hơn cùng kỳ năm trước[7].

Tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo duy trì ở mức thấp hơn so với cùng kỳ. Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/5/2016 tăng 8,7% so với cùng thời điểm năm 2015 (cùng kỳ năm trước tăng 11,5%)[8].

b) Về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông nghiệp và đời sống người dân trong những tháng đầu năm chịu nhiều ảnh hưởng bởi thiên tai, như: băng giá, rét đậm, rét hại kéo dài ở phía Bắc; hạn hán và xâm nhập mặn xảy ra gay gắt, đặc biệt là ở các khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long; và hiện tượng hải sản chết bất thường với quy mô lớn tại một số tỉnh miền Trung[9].

Về sản xuất lúa, vụ lúa đông xuân năm nay giảm cả về diện tích, năng suất và sản lượng so với vụ đông xuân năm trước[10]. Sản lượng lúa đông xuân cả nước giảm gần 1,9 triệu tấn so với vụ đông xuân năm trước, trong đó các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long giảm 1,13 triệu tấn (tương đương giảm 10,2%). Về gieo cấy lúa hè thu: tính đến ngày 15/5, các tỉnh phía Nam đã gieo cấy được 1,02 triệu ha, bằng 89,4% cùng kỳ năm trước; trong đó, các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long gieo cấy được 945,4 nghìn ha, chỉ bằng 88,3% cùng kỳ năm trước.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển tương đối ổn định. Tuy nhiên, chăn nuôi trâu, bò ở các địa phương bị hạn hán, nhất là các tỉnh Tây Nguyên gặp khó khăn do thiếu nước và nguồn thức ăn khan hiếm.

Về thủy sản, trong 5 tháng đầu năm, tổng sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng ước đạt 2.454,9 nghìn tấn, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước; trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng ước tăng 0,5%; sản lượng thủy sản khai thác ước tăng 3,1%; sản lượng khai thác biển ước tăng 3,2%.

---

[7] Điện cấp cho: công nghiệp và xây dựng 32,76 triệu kWh, tăng 9,5%; quản lý và tiêu dùng dân cư 21,16 triệu kWh, tăng 11,8%; thương nghiệp và khách sạn 3,253 triệu Kwh, tăng 20,38%; nông, lâm nghiệp và thủy sản 1,645triệu Kwh, tăng 62,85%.

[8] Trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho tăng thấp hơn mức tăng chung hoặc giảm: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 2,5%; sản xuất đồ uống tăng 1%; sản xuất da, các sản phẩm có liên quan và sản xuất giường, tủ, bàn ghế cùng giảm 0,9%; sản xuất kim loại giảm 5,4%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) giảm 16,6%; sản xuất thiết bị điện giảm 22,5%; sản xuất thuốc lá giảm 42,4%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 48,4%.

[9] Theo báo cáo của Ban chỉ đạo Phòng, chống thiên tai, tính đến ngày 20/5/2016, tổng hợp tình hình hạn hán, nhiễm mặn ở khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ như sau: 288.259 hộ dân thiếu nước sinh hoạt; thiệt hại 249.944 ha lúa, 18.960 ha hoa màu, 30.522 ha cây ăn quả, 149.704 ha cây công nghiệp, 6.857 ha thủy sản. Ước tính tổng thiệt hại khoảng 15.183 tỷ đồng.

[10] Diện tích gieo cấy giảm 1%; năng suất lúa ở các tỉnh phía Bắc giảm 0,5-1,5 tạ/ha, các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long giảm khoảng 4 tạ/ha, các tỉnh Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung giảm 6,6 tạ/ha.

Về lâm nghiệp: trong 5 tháng đầu năm, diện tích trồng rừng tập trung cả nước ước đạt 56,7 nghìn ha, tăng 0,7% so với cùng kỳ năm trước. Thời tiết khô hạn kéo dài đã làm tăng nguy cơ cháy rừng[11]. Diện tích rừng bị thiệt hại 5 tháng đầu năm là 2.255 ha, tăng hơn 2 lần so với cùng kỳ năm trước; trong đó: diện tích rừng bị cháy là 1.863 ha, gấp 2,5 lần cùng kỳ; diện tích rừng bị phá là 392 ha, tăng 22%.

Trước những khó khăn thiệt hại trong sản xuất nông nghiệp và thủy sản, trong thời gian qua, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành, chỉ đạo và triển khai thực hiện nhiều giải pháp, chính sách hỗ trợ trước mắt cho các vùng bị thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn và sự cố ô nhiễm môi trường biển, như: cấp gạo, cung cấp nước sinh hoạt miễn phí; khơi thông dòng chảy, ngăn mặn; hỗ trợ thiệt hại cho nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản ở các tỉnh miền Trung bị ô nhiễm môi trường biển[12]. Đồng thời, Chính phủ đã chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức nghiên cứu, xử lý một cách toàn diện, bài bản, lâu dài.

Về xây dựng nông thôn mới, đến ngày 20 tháng 5 năm 2016, cả nước đã có 1.936 xã (21,7%) đạt chuẩn nông thôn mới (tăng 4,6% so với cuối năm 2015); còn 326 xã đạt dưới 5 tiêu chí (3,65%). Bình quân cả nước đạt 13 tiêu chí/xã. Đã có 23 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (tăng thêm 8 đơn vị so với cuối năm 2015) và 10 đơn vị cấp huyện đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét.

c) Về khu vực dịch vụ:

Trong những tháng đầu năm 2016, ngành dịch vụ đã có nhiều nỗ lực cố gắng đa dạng hóa hoạt động, mở rộng thị trường, đáp ứng tốt nhu cầu phát triển kinh tế và đời sống, tạo ra nhiều việc làm cho xã hội. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ chưa có sự bứt phá. Nhiều ngành dịch vụ phát triển chậm, chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là các dịch vụ có giá trị tăng thêm và hàm lượng công nghệ cao.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 5 tháng đầu năm tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2015, tương đương cùng kỳ năm trước; nếu loại trừ yếu tố giá, tăng 7,8% (cùng kỳ tăng 8,2%).

---

[11] Cả nước hiện có 12 địa phương có khu vực nguy cơ cháy rừng cấp IV và cấp V (cấp nguy hiểm và cực kỳ nguy hiểm).

[12] Để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tại một số tỉnh miền Trung chịu thiệt hại do ô nhiễm môi trường biển, NHNN đã yêu cầu các TCTD: (i) Chủ động rà soát các khoản nợ vay của người dân, doanh nghiệp để kịp thời cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ, xem xét miễn, giảm lãi vay... đồng thời tiếp tục xem xét cho vay mới giúp khách hàng khắc phục khó khăn, ổn định sản xuất theo quy định; (ii) Đánh giá, xác định mức độ thiệt hại từ nguồn vốn vay ngân hàng để tham mưu cho UBND cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định việc hỗ trợ theo quy định. Một số NHTM Nhà nước triển khai cho vay thu mua tạm trữ hải sản được xác nhận khai thác tại các vùng biển an toàn;...

Khách quốc tế đến nước ta 5 tháng đầu năm ước đạt hơn 4 triệu lượt khách, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ 2015 giảm 12,6%), nhưng đang có xu hướng giảm liên tục trong 3 tháng qua[13].

Vận tải hành khách 5 tháng đầu năm ước tính đạt 1.502,2 triệu lượt khách, tăng 9,1% và 69,8 tỷ lượt khách.km, tăng 8,3% so với cùng kỳ năm 2015. Vận tải hàng hóa 5 tháng đầu năm ước tính đạt 512,4 triệu tấn, tăng 7,6% và 98,7 tỷ tấn.km, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước.

d) Về xuất nhập khẩu:

Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 tháng đầu năm ước đạt 67,7 tỷ USD, tăng 6,6% so với cùng kỳ năm 2015 (cùng kỳ tăng 7,3%), thấp hơn nhiều so với mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu đề ra cho cả năm là 10%; trong đó: xuất khẩu khu vực doanh nghiệp trong nước tăng 3,9%; khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô), tăng 10%, chiếm 70% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước (cùng kỳ năm 2015 chiếm 67,7%)[14].

Tổng kim ngạch nhập khẩu 5 tháng đầu năm ước đạt 66,34 tỷ USD, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm 2015 (cùng kỳ tăng 15,8%); trong đó: khu vực doanh nghiệp trong nước tăng 0,7%; khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm 1,9% so với cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 59% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước (cùng kỳ năm 2015 chiếm 59,9%).

Về cân đối xuất - nhập khẩu: 5 tháng đầu năm xuất siêu 1,36 tỷ USD, bằng 2% tổng kim ngạch xuất khẩu[15]; trong đó: khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) xuất siêu 8,22 tỷ USD (kể cả dầu thô xuất siêu khoảng 9,1 tỷ USD); khu vực doanh nghiệp trong nước nhập siêu khoảng 7,74 tỷ USD.

đ) Về huy động vốn đầu tư phát triển

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng cao so với cùng kỳ cả về số vốn đăng ký và thực hiện chủ yếu do tác động tích cực của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) đã tạo niềm tin thu hút vốn nước ngoài đầu tư vào Việt Nam. Trong 5 tháng đầu năm, tổng vốn FDI thực hiện ước đạt 5,8 tỷ USD, tăng 17,2% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ tăng 7,6%). Tổng vốn FDI đăng ký

---

[13] Cụ thể: so với tháng trước, khách quốc tế đến nước ta tháng 3 giảm 1,6%; tháng 4 giảm 3,8% và tháng 5 giảm 4,1%.

[14] Kể cả dầu thô ước đạt 48,26 tỷ USD, tăng 7,7% so với cùng kỳ, chiếm 71,28% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước (cùng kỳ năm 2015 chiếm 70,21%).

[15] Hai tháng đầu năm xuất siêu khoảng 865 triệu USD, ba tháng đầu năm xuất siêu khoảng 1,36 tỷ USD, 4 tháng xuất siêu khoảng 1,46 tỷ USD.

ước đạt 10,16 tỷ USD, gấp gần 2,4 lần cùng kỳ năm trước (cùng kỳ giảm 22%); trong đó: vốn đăng ký cấp mới đạt 7,57 tỷ USD, gấp 2,6 lần cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký tăng thêm đạt 2,59 tỷ USD, tăng 1,9 lần cùng kỳ năm trước. Có 907 dự án cấp mới, tăng 53,2% so với cùng kỳ năm trước; 425 lượt dự án tăng vốn, gấp hơn 2 lần cùng kỳ năm trước.

Vốn ODA và vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài giải ngân trong 5 tháng đầu năm ước đạt 900 triệu USD, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ tăng 11,8%); trong đó: vốn vay ước đạt 820 triệu USD, viện trợ không hoàn lại ước đạt 80 triệu USD.

e) Về phát triển doanh nghiệp:

Trong 5 tháng đầu năm, có 44.740 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký 349.463 tỷ đồng; so với cùng kỳ năm trước, số doanh nghiệp tăng 24,1% (cùng kỳ tăng 15,5%), số vốn đăng ký tăng 59,3% (cùng kỳ tăng 26,3%). Vốn đăng ký bình quân 01 doanh nghiệp đạt 7,8 tỷ đồng, tăng 28,4% so với cùng kỳ. Có 12.999 doanh nghiệp trước đây gặp khó khăn phải tạm ngừng hoạt động, nay đã trở lại hoạt động, tăng 75,6% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ tăng 5,9%). Có 10.794 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 38,9% so với cùng kỳ năm trước. Có 17.788 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động (không đăng ký hoặc chờ giải thể), tăng 19,1% so với cùng kỳ năm trước. Có 4.643 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 19,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ giảm 0,5%)[16].

g) Về cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước:

Tính đến ngày 27/5/2016, cả nước đã cổ phần hoá 36 doanh nghiệp nhà nước và 2 đơn vị sự nghiệp công lập; trong đó có 6 tổng công ty nhà nước. Ngoài ra, đã thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hoá của 61 doanh nghiệp, đang xác định giá trị doanh nghiệp của 77 doanh nghiệp, đã công bố giá trị doanh nghiệp của 30 doanh nghiệp.

Trong 5 tháng đầu năm, trong cả nước có Tập đoàn Viễn thông Quân đội, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước, Tổng công ty Lương thực miền Bắc và 3 địa phương thực hiện bán phần vốn nhà nước không cần nắm giữ tại doanh nghiệp khác với tổng giá trị theo sổ sách là 691,9 tỷ đồng, thu về 2.467,5 tỷ đồng.

---

[16] Về quy mô vốn: số doanh nghiệp có quy mô nhỏ (vốn đăng ký dưới 10 tỷ đồng) chiếm 93,5% tổng số doanh nghiệp giải thể, tăng 19,5% so với cùng kỳ. Về loại hình doanh nghiệp giải thể: nhiều nhất là loại hình công ty TNHH 1 thành viên, chiếm khoảng 40,4% về số doanh nghiệp giải thể; tiếp đến là công ty TNHH 2 thành viên, chiếm khoảng 29,9%; doanh nghiệp tư nhân chiếm khoảng 16,6% và công ty cổ phần chiếm trên 13%.

3. Về giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ

a) Về giáo dục và đào tạo

Về quy mô: tính đến tháng 5/2016, cả nước có khoảng 22,21 triệu học sinh, sinh viên (gồm 4,42 triệu trẻ em mầm non, 15,08 triệu học sinh phổ thông, 0,35 triệu học sinh trung cấp chuyên nghiệp và 2,36 triệu sinh viên đại học, cao đẳng).

Hệ thống mạng lưới các cơ sở giáo dục, các cấp học, bậc học tiếp tục được quan tâm đầu tư nâng cấp: tính đến năm học 2016, toàn quốc có 14.203 trường mầm non, 15.277 trường tiểu học, 10.878 trường trung học cơ sở, phổ thông cơ sở, 2.767 trường trung học phổ thông, 313 trường trung cấp chuyên nghiệp, 217 trường cao đẳng, 219 trường đại học; 726 trung tâm giáo dục thường xuyên, 10.992 trung tâm học tập cộng đồng và 1.752 trung tâm ngoại ngữ tin học, 308 trường phổ thông dân tộc nội trú và 876 trường phổ thông dân tộc bán trú với 140.849 học sinh, 16.276 trường đạt chuẩn quốc gia. Quy mô, mạng lưới cơ sở dạy nghề tiếp tục được phát triển theo hướng xã hội hóa.

b) Về khoa học và công nghệ

Lĩnh vực khoa học công nghệ đã triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách và nghiên cứu khoa học công nghệ. Tiếp tục Hoàn thiện Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chuyển giao công nghệ, trình Thủ tướng Chính phủ cuối Quý I năm 2016. Nghiên cứu sửa đổi bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ.

Tiếp tục hoàn thiện dự thảo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về: quy định khuyến khích doanh nghiệp trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020; phê duyệt Chiến lược phát triển dịch vụ khoa học và công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030; cơ chế đặc thù cho khu công nghệ cao Hòa Lạc. Hoàn thiện khung các Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn 2016 - 2020.

4. Về bảo đảm an sinh xã hội, văn hóa và các lĩnh vực xã hội khác

a) Về bảo đảm an sinh xã hội và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Lĩnh vực an sinh xã hội và phúc lợi xã hội tiếp tục được quan tâm chỉ đạo và đạt nhiều kết quả. Tiếp tục triển khai đồng bộ các chính sách giảm nghèo. Thực hiện có hiệu quả các chính sách như hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho

vay hộ nghèo, cho vay xuất khẩu lao động...; cấp thẻ bảo hiểm y tế, miễn, giảm học phí cho con em hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số; hướng dẫn người nghèo cách làm ăn, phát triển sản xuất, hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo,... Dự kiến chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo cả nước và các huyện nghèo đến cuối năm 2016 đạt tương ứng là 1,3-1,5% và 4%.

Nhiều biện pháp hỗ trợ cho các vùng bị thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn được quan tâm thực hiện, như: cấp gạo từ nguồn dự trữ nhà nước, nước sinh hoạt và một số nhu yếu phẩm cần thiết khác,... để giải quyết một phần khó khăn cho người dân. Trong 5 tháng đầu năm Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 13 Quyết định xuất gạo dự trữ nhà nước để hỗ trợ cứu đói giáp hạt cho người dân.

Các chế độ, chính sách ưu đãi đối với gia đình chính sách, người có công, đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, hải đảo được tổ chức thực hiện kịp thời, đúng đối tượng và hiệu quả. Thực hiện trợ cấp xã hội thường xuyên cho các đối tượng bảo trợ xã hội.

Việc củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế, trong đó đặc biệt là việc nâng cấp, xây mới các công trình y tế từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước, vốn ODA; áp dụng thành công và phổ biến các phương pháp điều trị hiện đại và đổi mới công tác quản lý tài chính y tế đã góp phần nâng cao chất lượng công tác chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân. Tình trạng sức khoẻ của người dân Việt Nam có những cải thiện rõ rệt, thể hiện ở sự tiến bộ của một số chỉ tiêu về hệ thống y tế, chỉ số sức khoẻ cơ bản như tuổi thọ trung bình, tỷ lệ tử vong của trẻ em, tình trạng suy dinh dưỡng,... Công tác y tế dự phòng, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm mùa hè được tăng cường. Tỷ lệ mắc và tử vong của hầu hết các bệnh truyền nhiễm[17] giảm so với cùng kỳ năm 2015. Công tác kiểm tra việc chấp hành các quy định về bảo đảm an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được tăng cường; phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi sử dụng chất cấm trong chăn nuôi,... góp phần lập lại trật tự, kỷ cương trong hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

Các biện pháp nâng cao tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế trên cả nước được tích cực thực hiện. Người nghèo và các đối tượng chính sách xã hội, người có công, trẻ em dưới 6 tuổi đã được quan tâm trong tiếp cận, trong thụ hưởng các dịch vụ y tế ngay từ tuyến y tế cơ sở.

---

[17] Sởi, tay chân miệng, sốt xuất huyết, Cúm A H5N1; Cúm A H1N1, Viêm não vius, viêm não Nhật Bản,...

Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em; phát triển thanh niên; chăm sóc người cao tuổi đạt nhiều kết quả. Một số tỉnh triển khai thực hiện tốt các mô hình thể dục, dưỡng sinh, văn hóa, văn nghệ, mô hình chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi. Bình đẳng giới trong lao động việc làm, giáo dục đào tạo, chăm sóc y tế, lãnh đạo, quản lý ngày càng có những cải thiện đáng kể[11].

b) Về phát triển văn hóa, thể dục thể thao

Các hoạt động văn hoá nghệ thuật chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước được tổ chức rộng khắp với nội dung phong phú. Công tác quản lý và tổ chức lễ hội được tăng cường, bảo đảm vui tươi, lành mạnh. Trong những tháng đầu năm, số lượng các lễ hội, liên hoan (festival) được tổ chức ít hơn so với cùng kỳ các năm trước. Các hoạt động trong khuôn khổ festival đi vào chiều sâu, có chất lượng, kết hợp quảng bá, phát triển du lịch. Hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát huy di sản văn hóa được quan tâm. Các di sản văn hoá phi vật thể được sưu tầm, bảo vệ và phát huy. Hoạt động xây dựng đời sống văn hóa cơ sở được triển khai tích cực.

Hoạt động thể dục, thể thao được duy trì và phát triển, đặc biệt là thể thao thành tích cao; nhiều vận động viên đạt kết quả cao trong thi đấu và đạt chuẩn tham gia tầm châu lục và thế giới. Chuẩn bị tổ chức Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc lần thứ IX, Đại hội Thể thao Bãi biển Châu Á lần thứ 5 năm 2016 tại thành phố Đà Nẵng. Tích cực thực hiện cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại". Các môn thể thao quần chúng và trò chơi dân gian được tổ chức trên mọi miền của đất nước, tạo sân chơi lành mạnh, khí thế vui tươi, sôi nổi, đoàn kết trong quần chúng nhân dân.

5. Về tài nguyên môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Trước thực trạng diễn biễn phức tạp của biến đổi khí hậu, tình hình hạn hán, xâm nhập mặn và các vấn đề về môi trường, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã có những chỉ đạo, điều hành quyết liệt để hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách và xử lý kịp thời các vấn đề về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Trong những tháng đầu năm, việc xây dựng, ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật tài nguyên và môi trường biển, hải đảo, Luật khí tượng thủy văn và các luật khác đã được Quốc hội thông qua được tích cực triển khai. Các vấn đề về giám sát, đánh giá ô nhiễm môi trường biển miền Trung được tập trung xử lý. Các địa phương và các ngành tập trung xây

---

[11] Tỷ lệ nữ Ủy viên Chính thức và Ủy viên dự khuyết Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII là 10%, tỷ lệ nữ Ủy viên Bộ Chính trị là 15,78%; tỷ lệ nữ ủy viên cấp tỉnh là 19,69%, cấp huyện 14,3%; tỷ lệ lao động nữ chiếm 48,3%.

dựng và thực hiện kế hoạch hành động tăng trưởng xanh. Huy động nguồn lực thực hiện các mục tiêu trọng tâm về tăng trưởng xanh trong năm 2016 được quan tâm thực hiện.

Công tác thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực tài nguyên và môi trường được tăng cường, trong đó tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực: đất đai, môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước. Trong 5 tháng đầu năm, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành 82 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền xử phạt hơn 16,5 tỷ đồng, góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước.

6. Về quản lý quy hoạch

Công tác nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách liên quan đến công tác quy hoạch được quan tâm thực hiện, đã hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Quy hoạch để trình Quốc hội. Tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng quy hoạch vùng, lãnh thổ làm căn cứ để xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư trung hạn. Đến nay, 6 vùng kinh tế - xã hội, 4 vùng kinh tế trọng điểm, 62/63 tỉnh/thành phố đã được Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch hoạch đến năm 2020. Việc tổ chức công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh đã được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, bảo đảm tính công khai, minh bạch trong việc thực hiện quy hoạch.

7. Về quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội

Công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh được chú trọng; giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Tập trung triển khai kế hoạch sẵn sàng chiến đấu, kế hoạch bảo vệ các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước. Chủ động xây dựng, triển khai thực hiện có hiệu quả bảo đảm an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, đặc biệt là công tác bảo đảm an toàn, an ninh cho Đại hội Đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XII và bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp khoá XIV; tập trung đấu tranh có hiệu quả với hoạt động của các tổ chức bất hợp pháp; tăng cường đấu tranh phòng ngừa, ngăn chặn những biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ. Triển khai đồng bộ các biện pháp công tác, mở cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự.

Công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông được quan tâm chỉ đạo. Trật tự an toàn giao thông có chuyển biến. Trong 5 tháng đầu năm (tính từ ngày 16/12/2015 đến 15/5/2016), số vụ tai nạn giao thông giảm 10,1%, số người chết giảm 3,94%, số người bị thương giảm 14,2% so với cùng kỳ năm trước.

8. Về các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế

Các hoạt động đối ngoại được triển khai toàn diện, đa phương hoá, chủ động, tích cực, đặc biệt là với các đối tác chiến lược, đối tác quan trọng, đối tác tiềm năng. Tăng cường các biện pháp làm sâu sắc hơn hợp tác kinh tế, tranh thủ tối đa cơ hội để phát triển đất nước. Đã chính thức ký Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Tiếp tục đẩy mạnh đàm phán để sớm ký các hiệp định thương mại tự do (FTA) với các đối tác khác.

9. Về thông tin truyền thông

Công tác thông tin, tuyên truyền được triển khai tích cực, đúng định hướng. Nội dung thông tin phong phú, có chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu nhân dân, tạo sự tin tưởng, đồng thuận trong thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Ngành thông tin truyền thông thực hiện nhiều chương trình truyền hình, phát thanh, báo chí như: về học tập quán triệt Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XII của Đảng; về Kỳ họp thứ 11, Quốc hội Khóa XIII; về các hoạt động đối ngoại của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước; về công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp; các thông tin về cơ chế, chính sách mới và tình hình kinh tế - xã hội của đất nước; công tác bảo vệ chủ quyền biển đảo; ngăn chặn và xử lý những thông tin sai sự thật, chống phá, xâm phạm lợi ích quốc gia;...

Đánh giá chung

Về những kết quả đạt được: Trong 5 tháng đầu năm, dưới sự chỉ đạo tập trung, quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự nỗ lực của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và toàn dân trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2016 và các Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ hằng tháng, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục có chuyển biến và đạt được những kết quả nhất định. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; lạm phát được kiểm soát theo mục tiêu đề ra trong điều kiện nền kinh tế gặp nhiều khó khăn và thiên tai liên tiếp xảy ra. Lãi suất tương đối ổn định, lãi suất cho vay có xu hướng giảm; tỷ giá, thị trường ngoại tệ ổn định. Thu hút vốn FDI tăng cao hơn nhiều so với năm trước; phát triển doanh nghiệp có bước chuyển biến mạnh mẽ nhờ tác động của việc thực thi Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư (sửa đổi) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Các lĩnh vực lao động, việc làm, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và các lĩnh vực xã hội khác được quan tâm và đạt những kết quả nhất định. An ninh chính trị và trật tự xã hội được bảo đảm. Tình trạng ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông có chuyển biến. Công tác đối ngoại đạt nhiều kết quả tích cực.

Về những khó khăn, thách thức: Tình hình kinh tế - xã hội trong những tháng đầu năm còn nhiều khó khăn, thách thức. Nền kinh tế phục hồi chậm; tốc độ tăng GDP thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm trước; trong đó khu vực nông, lâm nghiệp, thuỷ sản không những tăng trưởng âm, mà hậu quả nặng nề của hạn hán, xâm nhập mặn,... sẽ còn tác động xấu đến các mùa vụ sau. Tốc độ phục hồi kinh tế đang có xu hướng chậm lại không chỉ trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, mà cả trong khu vực công nghiệp chế biến - là ngành được kỳ vọng sẽ phục hồi nhanh nhờ tác động của cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới nhưng do năng suất, chất lượng thấp và khả năng cạnh tranh yếu kém của sản phẩm nên tốc độ tăng trưởng ngành này vẫn đạt thấp; ngành khai khoáng tăng trưởng âm do giá dầu giảm xuống ở mức thấp. Lạm phát được kiểm soát nhưng vẫn tiềm ẩn nguy cơ lạm phát tăng cao. Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu đạt thấp hơn mục tiêu đề ra và thấp hơn tốc độ tăng cùng kỳ năm trước. Việc phòng chống ô nhiễm, bảo vệ môi trường sinh thái còn nhiều yếu kém. Tình trạng xả thải tại các khu, cụm công nghiệp, làng nghề chưa được kiểm soát chặt chẽ, gây ô nhiễm môi trường không khí và nguồn nước ở nhiều địa phương. Nhiều vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm, sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, trồng trọt xảy ra khá phổ biến trong thời gian dài, nhưng chậm được khắc phục. Tai nạn giao thông giảm, nhưng những vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng vẫn xảy ra, gây thương vong lớn. Thiệt hại về rừng do cháy và chặt phá vẫn còn cao. Đời sống nhân dân ở các vùng thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, vùng bị ô nhiễm môi trường biển, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn.

II. DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM 2016

Với tình hình nêu trên, dự báo kinh tế vĩ mô ổn định, các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm; lạm phát được tập trung kiểm soát; tổng đầu tư toàn xã hội, trong đó đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng cao; sự cải thiện về sức mua và tổng cầu trong nước,... là những yếu tố quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cao hơn những tháng cuối năm. Việc ký kết và thực hiện các hiệp định tự do thương mại thế hệ mới được kỳ vọng sẽ mang lại những cải thiện đột phá về đầu tư kinh doanh, mở rộng thị trường xuất khẩu. Việc cải thiện môi trường đầu kinh doanh đang được các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt. Những yếu tố thuận lợi nêu trên sẽ là động lực lớn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế những tháng cuối năm.

Tuy nhiên, bên cạnh những yếu tố thuận lợi nêu trên, trong thời gian tới kinh tế nước ta cũng phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức.

Tình hình kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, kinh tế thế giới phục hồi chậm. Những rủi ro địa chính trị trên thế giới, diễn biến phức tạp của tranh chấp chủ quyền biển, đảo trên biển Đông, cùng với biến động khó lường trên thị trường tài chính, tiền tệ,... có thể tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế của đất nước. Thương mại thế giới được dự báo sẽ tăng trưởng thấp ở mức 2,8%, đây là năm thứ 5 liên tiếp tăng trưởng thương mại toàn cầu ở mức dưới 3%. Hội nhập quốc tế của nước ta ngày càng sâu rộng, nhất là hội nhập kinh tế, việc ký kết và triển khai các hiệp định thương mại tự do mở ra nhiều cơ hội phát triển, nhưng cũng đặt ra những thách thức lớn.

Tình hình thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là tình hình hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm môi trường biển,... ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp và thủy sản, đến nguồn nguyên liệu cho công nghiệp và đời sống người dân. Bên cạnh những khó khăn do thiên tai gây ra, thách thức lớn nhất trong phát triển kinh tế đất nước là tình trạng trình độ công nghệ lạc hậu, năng suất, chất lượng, hiệu quả đầu tư kinh doanh thấp, đặc biệt là phải đối mặt cạnh tranh gay gắt không chỉ trên thị trường thế giới, mà ngay cả ở thị trường trong nước.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CẦN TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN TRONG NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM 2016

Trên cơ sở đánh giá tình hình kinh tế - xã hội 5 tháng đầu năm và dự báo cuối năm, Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành trung ương và địa phương không chủ quan trong điều hành, ra sức khắc phục khó khăn, thách thức, quyết tâm không điều chỉnh các mục tiêu, phấn đấu đạt mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 đã được Quốc hội đề ra, tăng trưởng kinh tế phải bảo đảm cả chất lượng và số lượng để tạo đà cho việc thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020. Để thực hiện mục tiêu trên, trong thời gian tới cần nỗ lực tổ chức thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2016, các Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ hằng tháng, nhất là Nghị quyết Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4 năm 2016 số 33/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2016, Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2016 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020, Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5

năm 2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; trong đó tập trung tổ chức thực hiện có hiệu quả những nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu dưới đây:

1. Về kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô

a) Về kiểm soát tình hình giá cả thị trường

Thời gian tới, nhiệm vụ kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô vẫn phải được coi là trọng tâm hàng đầu. Các cơ quan có trách nhiệm phải theo dõi sát sao diễn biến giá cả thị trường thế giới và trong nước. Đánh giá lại tình hình và dự báo sản xuất các vụ hè thu và vụ mùa; rà soát cân đối lại cung cầu lương thực, kế hoạch xuất khẩu gạo phù hợp với tình hình hiện nay. Kiểm soát chặt chẽ tình hình giá cả lương thực, thực phẩm. Các Bộ, ngành trung ương liên quan xây dựng phương án điều chỉnh giá dịch vụ công theo lộ trình phù hợp, không để tác động mạnh tới tình hình giá cả thị trường trong nước, gây áp lực gia tăng lạm phát. Từ nay đến cuối năm, không điều chỉnh tăng giá điện, giá phí giao thông đường bộ.

b) Về tiền tệ, tín dụng

Điều hành chính sách tiền tệ, tín dụng chủ động, linh hoạt theo tín hiệu của thị trường. Có biện pháp quản lý chặt chẽ hạn mức tín dụng, nhất là tín dụng đối với đầu tư bất động sản. Giảm dần lãi suất cho vay đầu tư sản xuất kinh doanh phù hợp với chỉ số lạm phát và yêu cầu phục hồi nền kinh tế. Tiếp tục tập trung xử lý nợ xấu, nâng cao chất lượng tín dụng và xử lý các ngân hàng yếu kém. Nghiên cứu giải pháp huy động nguồn ngoại tệ tạm thời nhàn rỗi trong dân cư để bổ sung nguồn lực cho đầu tư phát triển.

c) Đối với cân đối thu chi NSNN

- Tiếp tục tăng cường các biện pháp thu đúng, thu đủ, chống thất thu, phòng, chống buôn lậu và gian lận thương mại, trốn thuế. Quản lý chặt chẽ tài sản công. Xây dựng kế hoạch và triển khai tổng rà soát số lượng và việc sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị để bảo đảm sử dụng có hiệu quả.

- Kiểm soát chi tiêu, tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm cân đối thu chi NSNN theo dự toán được duyệt. Dự phòng ngân sách nhà nước và các nguồn bổ sung (nếu có) tập trung cho việc khắc phục hậu quả hạn hán, xâm nhập mặn, khắc phục hiện tượng hải sản chết bất thường với quy mô lớn tại các tỉnh miền Trung và nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Hạn chế tối đa sử dụng dự phòng cho các mục tiêu khác.

2. Các giải pháp khắc phục hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm môi trường

a) Đối với giải pháp phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn

Trên cơ sở tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt các Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 04/02/2016 và số 09/CT-TTg ngày 12/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp cấp bách phòng chống hạn hán và xâm nhập mặn. Cùng với việc tiếp tục hỗ trợ lương thực và nước sinh hoạt miễn phí cho người dân ở những vùng còn chịu ảnh hưởng bởi hạn hán và xâm nhập mặn, cần tiếp tục rà soát thống kê mức độ thiệt hại về: diện tích mất trắng, diện tích giảm năng suất, sản lượng lúa, cây ăn quả, cây công nghiệp,... để có biện pháp hỗ trợ phù hợp để ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân. Đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án thủy lợi, chống xâm nhập mặn đang triển khai. Triển khai đầu tư ngay các dự án cấp bách, quy mô nhỏ, thi công trong thời gian ngắn để giải quyết khắc phục tình trạng thiếu nước, như: nạo vét kênh mương dẫn nước, hệ thống dẫn nước bằng đường ống từ hồ chứa, các sông thượng nguồn để cấp nước cho vùng khô hạn và vùng bị nhiễm mặn ở hạ du.

b) Đối với hiện tượng ô nhiễm môi trường biển, gây cá chết hàng loạt tại một số địa phương

Nghiêm cấm và xử lý nghiêm khắc những trường hợp mua bán, sử dụng chế biến từ cá chết do ô nhiễm. Xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm. Tuyên truyền rộng rãi, đúng mức về tình hình, tác hại, các biện pháp phục hồi sản xuất, đánh bắt, môi trường thủy hải sản, công nghiệp chế biến sản phẩm từ thủy, hải sản ở những vùng bị ô nhiễm. Đồng thời, tổ chức triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ thiệt hại, phục hồi sản xuất cho người nuôi trồng và đánh bắt thuỷ, hải sản.

3. Các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế

a) Tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh và khu vực doanh nghiệp. Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thực hiện nghiêm các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh đã đề ra tại Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2014, Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 và Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020; triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính

phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020. Kiên quyết xóa bỏ các giấy phép về điều kiện kinh doanh (giấy phép con) không cần thiết, nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, tháo gỡ khó khăn thúc đẩy sản xuất phát triển. Tăng cường công tác chống buôn lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng, kiên quyết xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

b) Thực hiện các giải pháp cụ thể phục hồi tốc độ tăng trưởng của công nghiệp chế biến, đặc biệt là chế biến hàng xuất khẩu. Tăng cường việc giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển, mục tiêu, nhiệm vụ được giao của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước. Tập trung đẩy mạnh tiến độ các dự án đầu tư ngành công nghiệp để nâng cao năng lực sản xuất.

c) Thực hiện các giải pháp thúc đẩy tiêu dùng trong nước, đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"; xây dựng mạng lưới tiêu thụ và phân phối sản phẩm hợp lý, giảm bớt các khâu trung gian.

Tăng cường chất lượng dịch vụ, xúc tiến du lịch mạnh mẽ. Rà soát lại các thủ tục nhằm đơn giản hóa các thủ tục nhập cảnh; thực hiện việc cấp thị thực điện tử, cấp tại cửa khẩu, giảm lệ phí thị thực. Mở rộng diện các nước miễn thị thực nhập cảnh và kéo dài thời hạn visa vào Việt Nam. Tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh cho khách du lịch, đảm bảo an toàn giao thông, tạo thuận lợi cho du khách đi lại.

Phát triển dịch vụ vận tải với cơ cấu hợp lý, hiệu quả. Nâng cao chất lượng vận tải đường bộ và đường hàng không; tăng thị phần vận tải đường sắt, đường biển và đường thủy nội địa. Khuyến khích phát triển vận tải đa phương thức và logistics. Tạo môi trường cạnh tranh, nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm chi phí vận tải.

d) Giải pháp về thúc đẩy xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu

Thực hiện mạnh mẽ các giải pháp khuyến khích đẩy mạnh xuất khẩu các nhóm hàng, mặt hàng có khả năng cạnh tranh, thị trường ổn định. Đồng thời, tăng cường công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu, nhất là các sản phẩm nông sản xuất khẩu chủ lực của nước ta. Tiếp tục rà soát và đơn giản hóa các thủ tục liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Thông tư số 07/2016/TT-NHNN ngày 27/5/2016 của Ngân hàng Nhà nước nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn ngắn hạn bằng ngoại tệ để thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu.

Tăng cường công tác dự báo thị trường trong và ngoài nước, phổ biến kịp thời thông tin thị trường; nắm rõ các rào cản kỹ thuật và chủ động xây dựng các biện pháp để khắc phục. Cơ quan thương vụ ở nước ngoài phải phối hợp chặt chẽ với các tổ chức liên quan nước sở tại chủ động nắm bắt thông tin, phân tích báo cáo kịp thời phục vụ xuất khẩu hiệu quả.

Tăng cường phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả tại các nước và khu vực mà nước ta đã ký hiệp định thương mại tự do; rà soát, khẩn trương hoàn thiện thể chế phù hợp với yêu cầu hội nhập và hạn chế tác động tiêu cực.

4. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư, huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng

Khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020 làm căn cứ pháp lý cho các Bộ, ngành trung ương và địa phương triển khai kế hoạch năm 2016 đã được giao. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn đầu tư công, vốn FDI, vốn ODA và huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách và cải thiện môi trường đầu tư khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước bỏ vốn đầu tư cơ sở hạ tầng dưới các hình thức hợp tác công tư (PPP) thích hợp.

Trong điều kiện nguồn vốn ODA giảm, với mức độ ưu đãi thấp hơn trước, cần phải rà soát các dự án tài trợ từ nguồn ODA và nguồn vay ưu đãi, để loại bỏ các dự án không thật sự cần thiết, kém hiệu quả.

5. Tiếp tục quan tâm thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội. Triển khai kịp thời các chính sách nhằm hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả thiên tai, sớm ổn định sản xuất và đời sống.

6. Tăng cường công tác y tế dự phòng, triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, bệnh dịch nguy hiểm trong mùa hè; hỗ trợ kịp thời về nhân sự và kỹ thuật cho các địa phương có vùng dịch trong trường hợp cần thiết. Tăng cường các biện pháp thanh, kiểm tra, xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm.

7. Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, thiên tai. Chủ động chỉ đạo, triển khai các giải pháp ứng phó kịp thời, hiệu quả với các tình huống thời tiết cực đoan gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đe dọa tính mạng, tài sản của nhân dân.

Tăng cường quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản; chấn chỉnh việc quản lý, khai thác cát, sỏi lòng sông. Kiên quyết xử lý các cơ sở sử

dụng lãng phí năng lượng, tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm, nhất là tại khu, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm nặng. Tập trung khắc phục ô nhiễm môi trường khu vực nông thôn.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế; kiên trì bảo vệ lợi ích quốc gia trong quản lý, sử dụng bền vững nguồn nước sông Mê Công và một số con sông khác có lưu vực ở nước ngoài.

8. Thực hiện quyết liệt các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông, nhất là trong Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2016 sắp tới. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý các phương tiện vận tải hành khách; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông.

9. Thông tin kịp thời các chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để định hướng dư luận theo hướng khuyến khích thu hút doanh nghiệp, khơi dậy làn sóng khởi nghiệp đầu tư và sản xuất kinh doanh; phát hiện các trường hợp cán bộ, công chức gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp và người dân để tạo niềm tin cho cộng đồng doanh nghiệp và người dân tin tưởng vào đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Các cơ quan Nhà nước các cấp chủ động cung cấp thông tin về cơ chế chính sách, tình hình kinh tế - xã hội; về các giải pháp chỉ đạo điều hành của Chính phủ, của Thủ tướng Chính phủ. Đề cao vai trò, trách nhiệm của cơ quan chủ quản và người đứng đầu. Tăng cường đối thoại với các cơ quan thông tấn, báo chí để tạo điều kiện trong việc nắm bắt được tình hình, quán triệt, đồng thuận của mọi người dân. Đồng thời, tăng cường trách nhiệm của các cơ quan báo chí, xử lý nghiêm khắc những trường hợp cố tình đưa tin không đúng sự thật, trái với các chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế và ổn định đời sống nhân dân.

Phần thứ hai

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2017

I. DỰ BÁO BỐI CẢNH THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC

Kinh tế thế giới năm 2017 được nhiều tổ chức quốc tế dự báo tăng trưởng cao hơn năm 2016 nhưng phụ thuộc nhiều vào diễn biến của thị trường tài chính, tiền tệ, thị trường dầu thô, thị trường chứng khoán trên thế giới và những tác động của tình hình bất ổn tại một số khu vực,... Quỹ Tiền tệ quốc tế

(IMF) dự báo kinh tế thế giới năm 2017 sẽ tăng trưởng 3,5% (năm 2016 là 3,2%). Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2017 tăng 3,1% (năm 2016 là 2,9%). Trong các đối tác thương mại lớn của Việt Nam, kinh tế Mỹ được dự báo tăng trưởng khoảng 2,4 - 2,5%, Khu vực Châu Âu tăng trưởng khoảng 1,6 - 1,7%, cao hơn so với năm 2016. Trong khi đó, kinh tế Trung Quốc được dự báo tăng trưởng 6,2 - 6,5%, Nhật Bản tăng trưởng âm 0,1 - 0,9%, thấp hơn so với năm 2016. Tăng trưởng của các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển có những dấu hiệu tích cực và ổn định hơn.

Tăng trưởng thương mại toàn cầu năm 2017 được Tổ chức Thương mại Thế giới dự báo sẽ hồi phục và đạt 3,6%, là lần đầu tiên trong 6 năm tăng trưởng vượt mốc 3% do những yếu tố tác động tiêu cực đến tăng trưởng thương mại toàn cầu được dự báo sẽ giảm bớt.

Ở trong nước, kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định, lạm phát được kiểm soát sẽ tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế. Các yếu tố của thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được hoàn thiện và phát huy hiệu quả trong việc thúc đẩy sự phát triển mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Những nỗ lực của Chính phủ trong việc thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020[19] sẽ tháo gỡ những khó khăn trong sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng. Chính trị - xã hội được giữ ổn định sẽ tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế.

Tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam sẽ được triển khai mạnh mẽ, sâu rộng và toàn diện. Nước ta sẽ thực hiện đầy đủ các cam kết đối với Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc và ASEAN với các đối tác khác, Cộng đồng Kinh tế ASEAN, Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), TPP và các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, nhất là Hiệp định hợp tác xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Tuy nhiên, chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, các cân đối kinh tế vĩ mô chưa vững chắc, cơ sở hạ tầng còn hạn chế so với yêu cầu phát triển. Thiên tai, dịch bệnh diễn biến nghiêm trọng, khó lường. Nhu cầu đầu tư cho phát triển, nhất là kết cấu hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng an ninh, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí

---

[19] Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2014, Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 và Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020. Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

hậu rất lớn, nhưng nguồn lực còn hạn hẹp. Nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ còn rất nặng nề. Diễn biến trên Biển Đông có thể sẽ căng thẳng, gay gắt, phức tạp hơn. Các thế lực thù địch tiếp tục chống phá quyết liệt, tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định chính trị - xã hội. Thể chế kinh tế thị trường, chất lượng nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng vẫn là những điểm nghẽn cản trở sự phát triển của nền kinh tế nước ta. Tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí,... chưa được đẩy lùi làm giảm hiệu lực và hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước.

Bối cảnh quốc tế và trong nước cho thấy, trong năm 2017, bên cạnh những thuận lợi và cơ hội phát triển, nền kinh tế nước ta tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế sẽ là yếu tố quan trọng nhất, quyết định tăng trưởng kinh tế. Điều này đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, hành động quyết liệt, năng động sáng tạo, tranh thủ thời cơ thuận lợi, vượt qua các khó khăn, thách thức, huy động và sử dụng tốt nhất mọi nguồn lực, phấn đấu đạt được những bước tiến mới, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững, rút ngắn khoảng cách phát triển với các nước.

II. MỤC TIÊU NHIỆM VỤ VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2017

1. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tạo chuyển biến rõ rệt về cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh. Bảo đảm an sinh xã hội và chăm lo đời sống nhân dân. Phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội. Ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả đối ngoại, đưa quan hệ với các đối tác đi vào chiều sâu, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

2. Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2017

Trên cơ sở Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 đã được Quốc hội thông qua, phấn đấu năm 2016 đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu đã được Quốc hội thông qua, dự kiến các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 như sau:

a) Các chỉ tiêu kinh tế

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 6,8% so với năm 2016.

Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 8-10% so với năm 2016.

Tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu dưới 5%.

Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng khoảng 5%.

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội chiếm khoảng 31,8-33,8% GDP.

Tỷ suất tiêu hao năng lượng trên một đơn vị GDP giảm 1,5% so với năm 2016.

b) Các chỉ tiêu xã hội

Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều) giảm 1,3-1,5%, riêng các huyện nghèo giảm 4%.

Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 57%, trong đó: tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có văn bằng chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo 22,5%.

Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) đạt 25 giường.

Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 77%

c) Các chỉ tiêu môi trường

Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 87%.

Tỷ lệ che phủ rừng đạt 41,3%.

III. DỰ KIẾN MỘT SỐ CÂN ĐỐI LỚN CỦA NỀN KINH TẾ NĂM 2017

1. Lao động và việc làm

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên dự kiến khoảng 56,1 triệu người;

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm trong nền kinh tế quốc dân dự kiến là 55,3 triệu người.

Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp dự kiến là 43%; công nghiệp và xây dựng là 23,5%; dịch vụ là 33,5%.

Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 4%.

2. Cân đối thu, chi ngân sách nhà nước

Tổng thu cân đối NSNN năm 2017 dự kiến là 1.165 nghìn tỷ đồng,

trong đó: thu nội địa là 932 nghìn tỷ đồng; thu dầu thô là 45 nghìn tỷ đồng; thu xuất nhập khẩu là 182 nghìn tỷ đồng; thu viện trợ không hoàn lại là 3.000 tỷ đồng.

Tổng chi ngân sách nhà nước năm 2017 dự kiến khoảng 1.395,5 nghìn tỷ đồng.

Bội chi ngân sách nhà nước dự kiến bằng khoảng 4,8% GDP.

3. Cân đối vốn đầu tư phát triển

Dự kiến khả năng huy động tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2017 khoảng 1.700-1.832 nghìn tỷ đồng, bằng khoảng 31,8-33,8% GDP. Dự kiến huy động các nguồn vốn như sau:

- Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn TPCP, bội chi ngân sách địa phương, xổ số kiến thiết và vốn từ nguồn thu từ tiền bán bớt cổ phần sở hữu của Nhà nước tại một số doanh nghiệp) khoảng 361-371 nghìn tỷ đồng, chiếm 20,2-21,3% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

- Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước khoảng 70-75 nghìn tỷ đồng, chiếm 4,1% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

- Vốn đầu tư khu vực doanh nghiệp nhà nước khoảng 195-205 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,2-11,5% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

- Vốn đầu tư của dân cư và doanh nghiệp tư nhân khoảng 760-859 nghìn tỷ đồng, chiếm 44,7-46,9% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (không bao gồm phần đóng góp trong nước) khoảng 296-309 nghìn tỷ đồng, chiếm 16,9-17,4% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

- Các khoản vốn huy động khác khoảng 23,8-28,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 1,4-1,6% tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2017 dự kiến tổng vốn đăng ký là 25 tỷ USD, dự kiến thực hiện là 15,3 tỷ USD.

Dự kiến ký kết hiệp định vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài năm 2017 khoảng 4,6 tỷ USD, giải ngân của nguồn dự kiến khoảng 4,7 tỷ USD.

4. Cân đối xuất nhập khẩu

Xuất khẩu năm 2017 dự kiến đạt khoảng 118-120 tỷ USD, tăng khoảng 8-10% so với năm 2016; nhập khẩu khoảng 123-125 tỷ USD, tăng khoảng 13-

15%. Nhập siêu ước khoảng 5 tỷ USD. Tỷ lệ nhập siêu so với kim ngạch xuất khẩu tiếp tục duy trì ở mức dưới 5%.

5. Cân đối về điện

Nhu cầu điện năm 2017 dự kiến tăng khoảng 12% so với năm 2016, điện sản xuất và mua năm 2017 khoảng 197 tỷ kWh.

6. Cân đối về lương thực

Dự kiến kế hoạch gieo trồng lúa năm 2017 cả nước là 7,3 triệu ha. Sản lượng lúa dự kiến đạt 43 triệu tấn, trong đó: tiêu dùng trong nước khoảng 29 triệu tấn xuất khẩu khoảng 14 triệu tấn.

IV. NHIỆM VỤ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH VÀ LĨNH VỰC

Với các mục tiêu nêu trên, nhiệm vụ định hướng phát triển ngành, lĩnh vực chủ yếu trong năm 2017 như sau:

1. Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo đảm ổn định các cân đối vĩ mô và kiểm soát lạm phát

Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác, bảo đảm lãi suất phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát và thị trường tiền tệ; thực hiện chính sách tỷ giá linh hoạt, phù hợp với diễn biến trên thị trường ngoại tệ trong nước và quốc tế, các cân đối kinh tế vĩ mô, tiền tệ và mục tiêu chính sách tiền tệ. Tăng cường công khai, minh bạch trong điều hành tỷ giá, lãi suất, tăng trưởng tín dụng. Tăng dư nợ tín dụng phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế, gắn với nâng cao chất lượng tín dụng, đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho nền kinh tế. Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án chống đô la hóa trong nền kinh tế, hạn chế tín dụng ngoại tệ đi đôi với xây dựng thị trường mua bán ngoại tệ phù hợp; tiếp tục ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng vàng hóa trong nền kinh tế; phấn đấu tăng dự trữ ngoại hối nhà nước phù hợp với điều kiện thực tế. Chủ động thực hiện các giải pháp phù hợp nhằm hạn chế tác động tiêu cực của thị trường tài chính thế giới đến thị trường ngoại hối, tiền tệ trong nước.

Thực hiện chính sách tài khoá chủ động, chặt chẽ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách. Tăng cường chống thất thu, chuyển giá, giảm nợ đọng thuế. Quyết liệt cắt giảm, tái cơ cấu chi ngân sách, trọng tâm là chi thường xuyên. Đẩy mạnh quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sử dụng ngân sách gắn với ban hành các tiêu chí giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo Luật Ngân sách nhà nước năm 2015. Kiểm soát chặt

chế bội chi ngân sách nhà nước. Tăng cường các biện pháp bảo đảm an ninh tài chính quốc gia, an toàn nợ công. Huy động, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển nền kinh tế.

2. Đẩy mạnh việc thực hiện tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

a) Tập trung thực hiện quyết liệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020 theo đúng Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó tập trung vào 3 trọng tâm là tái cơ cấu đầu tư, trọng tâm là đầu tư công; tái cơ cấu hệ thống tài chính - ngân hàng, trọng tâm là các tổ chức tín dụng; tái cơ cấu doanh nghiệp, trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước. Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, tập trung chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp để thích nghi và khai thác những lợi thế mới từ biến đổi khí hậu. Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh phát triển kinh tế hợp tác, xây dựng hợp tác xã kiểu mới; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ về giống, tưới tiêu, công cụ, kỹ thuật sản xuất,... để phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững, nhất là ở các vùng sản xuất hàng hoá tập trung. Tập trung phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, gắn với các lợi thế về phát triển nguồn nguyên liệu nông, lâm, thuỷ sản. Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ có lợi thế, có giá trị gia tăng cao như: du lịch, viễn thông, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng,... Tổ chức tốt thị trường trong nước và thương mại biên giới. Thực hiện Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, phát huy mọi tiềm năng từ biển.

b) Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh đã đề ra tại Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2014, Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 và Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ, với mục tiêu là tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đầu tư kinh doanh, giảm tối đa các chi phí khởi nghiệp, tạo điều kiện để giảm chi phí đầu vào, khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020. Triển khai xây dựng khung pháp lý về đăng ký và hoạt động của hộ kinh doanh, góp phần nâng cao tính minh bạch của môi trường kinh doanh. Quản lý, phát triển lành mạnh

thị trường hàng hóa, dịch vụ trong nước. Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước, thực hiện cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước. Mở rộng số lượng và lĩnh vực thí điểm cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công trên nguyên tắc bảo đảm tiếp tục cung cấp dịch vụ công với chất lượng tốt hơn. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia cung ứng dịch vụ công.

c) Nghiên cứu, xác định tiềm năng của các thị trường xuất khẩu, lợi thế cạnh tranh của các sản phẩm xuất khẩu của ngành, địa phương trên cơ sở đó thực hiện xúc tiến thương mại phù hợp, hiệu quả, bảo đảm tăng trưởng xuất khẩu bền vững. Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả các cam kết hội nhập quốc tế, nhất là trong khuôn khổ Cộng đồng ASEAN, Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và các hiệp định thương mại tự do đã ký kết. Rà soát, hoàn thiện pháp luật phù hợp với các cam kết quốc tế. Tiếp tục đẩy mạnh vận động các nước công nhận quy chế kinh tế thị trường của Việt Nam trước ngày 31 tháng 12 năm 2018; chủ động, tích cực vận dụng Cơ chế giải quyết tranh chấp của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và các hiệp định thương mại tự do (FTA) để bảo vệ lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp trong nước. Chú trọng nâng cao năng lực hội nhập quốc tế, trong đó tập trung phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức về hội nhập quốc tế trong hệ thống chính trị, các ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội. Thực hiện các biện pháp chính sách để phát huy, tận dụng các cơ hội phát triển và hạn chế tác động tiêu cực do mặt trái của hội nhập gây ra. Có giải pháp đột phá, quyết liệt chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả.

d) Khuyến khích mạnh mẽ mọi tổ chức, cá nhân nghiên cứu, sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ, sáng kiến nâng cao năng suất lao động trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển. Đào tạo, phát triển đội ngũ nhân lực khoa học công nghệ trình độ cao trong nước, kết hợp với thu hút trọng dụng cán bộ thực tài trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài.

3. Đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020

Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đồng bộ, hiện đại trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường và cam kết hội nhập quốc tế sâu rộng. Đẩy nhanh việc ban hành các văn bản luật, pháp lệnh theo

đúng Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hằng năm đã được Quốc hội quyết định; kịp thời ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, pháp lệnh, nghị quyết có hiệu lực. Chú trọng việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp cam kết quốc tế.

Đổi mới công tác quy hoạch, kế hoạch và điều hành phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường. Hoàn thiện dự án Luật Quy hoạch để trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV. Tiếp tục triển khai thực hiện dự án "Quy hoạch tổng thể vùng Tây Nguyên, phù hợp với tình hình biến đổi khí hậu, diễn biến hạn hán"[20] và Quy hoạch Vùng Đồng bằng sông Cửu Long[21]. Rà soát, đánh giá lại các quy hoạch ngành, lĩnh vực, các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương để kịp thời điều chỉnh và chuẩn bị cho việc lập quy hoạch giai đoạn 2021-2030. Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin quy hoạch thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao cùng với phát triển ứng dụng khoa học công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập. Nâng cao tỷ lệ lao động có đào tạo chuyên môn kỹ thuật; từng bước đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động Cộng đồng Kinh tế ASEAN. Đẩy mạnh đào tạo đội ngũ chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực, nhất là những ngành nghề lĩnh vực mới, hiện đại. Nâng cao hiệu quả đào tạo, dạy nghề gắn với giải quyết việc làm. Chủ động đào tạo cung cấp lao động có tay nghề, trình độ cho các khu kinh tế, khu công nghiệp tập trung và các dự án đầu tư lớn có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển đất nước.

Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nhiều nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; ưu tiên đầu tư cho các công trình giao thông và hạ tầng đô thị lớn, các công trình có tính kết nối, lan tỏa phát triển giữa các ngành, lĩnh vực, vùng miền; phát triển hệ thống thủy lợi, các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường,... Đầu tư phát triển cơ sở vật chất các ngành giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, du lịch, thông tin và truyền thông,... và các phúc lợi xã hội khác. Chuẩn hóa hệ thống quy trình, tiêu chí giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư công ở cả cấp độ vĩ mô và vi mô. Hoàn thiện cơ chế chính sách, hệ thống đánh giá hiệu quả đầu tư kết cấu hạ tầng theo hình thức hợp tác công tư.

---

[20] Theo Thông báo số 58/TB-VPCP ngày 29/3/2016 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Chính phủ về kiểm tra, chỉ đạo công tác phòng, chống hạn hán tại khu vực Tây Nguyên .

[21] Theo Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 12/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai các biện pháp cấp bách ứng phó xâm nhập mặn ở đồng bằng Sông Cửu Long, Thông báo số 47/TB-VPCP ngày 12/3/2016 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Chính phủ về công tác phòng, chống xâm nhập mặn.

4. Ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Tăng cường công tác xây dựng, ban hành và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường. Trong đó, tập trung hoàn thiện, ban hành các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành các Luật mới được ban hành như Luật Đất đai, Luật bảo vệ Môi trường, Luật Khí tượng thuỷ văn,...

Tập trung thực hiện các giải pháp tổng thể, toàn diện, có căn cứ khoa học và thực tiễn để ứng phó với biến đổi khí hậu. Triển khai thực hiện hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm kế hoạch hành động thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu được thông qua tại Hội nghị các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP21); các chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, phòng chống giảm nhẹ thiên tai.

Triển khai lồng ghép các mục tiêu tăng trưởng xanh trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp ngành và cấp tỉnh; tập trung hoàn thiện hướng dẫn đầu tư xanh; nâng cao nhận thức và tuyên truyền về tăng trưởng xanh ở tất cả các cấp, ngành và địa phương. Tiếp tục nghiên cứu và đề xuất cơ chế khai thác hiệu quả các nguồn tài chính cho tăng trưởng xanh và biến đổi khí hậu, trong đó có Quỹ Khí hậu xanh - GCF, xây dựng các cơ chế để khu vực tư nhân có thể tiếp cận Quỹ Khí hậu xanh thông qua hệ thống ngân hàng.

Đẩy nhanh tiến độ các dự án khắc phục thiên tai, hạn hán, đảm bảo nguồn nước cho sinh hoạt và tưới tiêu ở các tỉnh Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, các dự án chống xâm nhập mặn ở đồng bằng sông Cửu Long. Khôi phục rừng phòng hộ, rừng ngập mặn ven biển. Bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng hiện có và quỹ đất được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp.

Tăng cường quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên nước đầu nguồn và đất, khoáng sản. Quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước trong các hồ chứa. Chấn chỉnh việc quản lý, khai thác cát, sỏi lòng sông. Cải thiện chất lượng môi trường, phòng ngừa ô nhiễm và xử lý triệt để nguồn gây ô nhiễm, bảo tồn đa dạng sinh học. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm môi trường, nhất là tại các làng nghề, khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế, các lưu vực sông, vùng ven biển, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm nặng.

Kiên quyết xử lý các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Tăng cường các biện pháp xử lý chất thải rắn, chất thải công nghiệp, chất thải độc hại và chất thải y tế. Đẩy mạnh các giải pháp hữu hiệu giảm thiểu ô nhiễm và bảo vệ môi trường, cảnh quan ở khu vực nông thôn, các khu đô thị lớn.

5. Bảo đảm an sinh xã hội và chăm lo đời sống nhân dân

a) Phát triển hệ thống an sinh xã hội. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững. Chủ động nắm tình hình đời sống nhân dân, nhất là tại các địa phương bị thiệt hại do thiên tai để có biện pháp hỗ trợ kịp thời. Thực hiện đầy đủ các chính sách trợ giúp xã hội, ưu đãi người có công.

Thực hiện các chính sách giải quyết việc làm gắn với phát triển thị trường lao động, ổn định và phát triển thị trường xuất khẩu lao động; tăng cường công tác quản lý xuất khẩu lao động. Quản lý chặt chẽ lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Chú trọng giải quyết việc làm cho lao động khu vực nông thôn, thanh niên và sinh viên mới tốt nghiệp. Thực hiện tốt chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; xây dựng quan hệ lao động hài hoà, cải thiện điều kiện lao động.

b) Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân, tập trung quan tâm chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em. Củng cố và nâng cao hiệu quả mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh lớn xảy ra, từng bước kiểm soát các bệnh không lây nhiễm. Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, tập trung giảm quá tải bệnh viện tuyến trên, thực hiện tốt quy tắc ứng xử và nâng cao y đức. Phát triển nguồn nhân lực, khoa học công nghệ y tế. Đổi mới cơ chế tài chính, mở rộng tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Gắn việc điều chỉnh giá dịch vụ y tế với lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân; thực hiện tính đúng, tính đủ và công khai minh bạch giá dịch vụ y tế, phù hợp với chất lượng dịch vụ ở từng tuyến và khả năng chi trả của nhân dân. Cung ứng đủ về số lượng, an toàn về chất lượng thuốc, vắc xin, sinh phẩm và trang thiết bị y tế phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, quản lý môi trường y tế. Xử lý nghiêm theo đúng quy định của pháp luật về việc kinh doanh, sử dụng chất cấm trong trồng trọt và chăn nuôi, chế biến thực phẩm. Phát triển hệ thống thông tin y tế, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác truyền thông giáo dục sức khoẻ.

6. Phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc. Thực hiện tốt chính sách dân tộc và tôn giáo; bình đẳng giới, nâng cao vị thế của phụ nữ. Chú trọng công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em, đảm bảo việc thực hiện các quyền của trẻ em; đẩy mạnh thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên. Phát triển phong trào thể dục, thể thao để nâng cao thể chất của người Việt Nam.

7. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp

Tăng cường biện pháp triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020. Thực hiện nghiêm các văn bản pháp luật về cải cách hành chính, trọng tâm là đơn giản hoá thủ tục hành chính; kiểm soát thủ tục hành chính, rà soát, bãi bỏ các thủ tục không cần thiết, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp; đổi mới mạnh mẽ việc giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức. Xây dựng chính quyền phục vụ, tập trung vào tăng cường công khai minh bạch và trách nhiệm giải trình. Thực hiện tinh giản biên chế gắn với cải cách tiền lương. Thí điểm xây dựng và áp dụng hệ thống chỉ tiêu đánh giá kết quả công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức ở một số bộ, ngành trung ương và địa phương. Phát triển Chính phủ điện tử theo tinh thần Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ. Công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước. Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý xã hội; tập trung đầu tư cho công tác tổ chức thi hành pháp luật, từng bước chuyển hướng chiến lược từ xây dựng sang hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật, chấp hành pháp luật. Việc đề xuất ban hành chính sách mới phải phù hợp với thực tiễn và gắn với nguồn lực thực hiện.

8. Thực hiện quyết liệt các giải pháp phòng chống tham nhũng, lãng phí. Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, không để các vụ việc tồn đọng, kéo dài. Việc đề xuất ban hành chính sách mới phải phù hợp với thực tiễn và gắn với nguồn lực thực hiện. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác thi hành án, nhất là các vụ việc thi hành án dân sự liên quan đến hoạt động tín dụng, ngân hàng.

9. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh. Tập trung nắm chắc tình hình trong và ngoài nước, kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại để chủ động giải quyết mọi tình huống phát sinh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các lực lượng thực thi pháp luật trên biển.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phòng ngừa, chống vi phạm pháp luật, kiềm chế tội phạm, giảm các loại trọng án, giảm tội phạm tại các địa bàn trọng điểm; xây dựng xã hội an toàn, lành mạnh. Tăng cường công tác phòng, chống khủng bố. Bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh, an toàn thông tin mạng.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các biện pháp để ngăn chặn các hành vi vi phạm luật giao thông, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, khắc phục tình trạng ùn tắc giao thông tại các đô thị lớn, giảm thiểu tai nạn giao thông. Kiểm soát chặt chẽ hoạt động kinh doanh vận tải và tải trọng phương tiện, chấm dứt tình trạng xe chở quá tải trọng. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống cháy, nổ.

10. Triển khai toàn diện, hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế

Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế. Đưa quan hệ với các đối tác đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả. Kiên trì thúc đẩy giải quyết các vấn đề trên biển bằng biện pháp hoà bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển 1982 và các thoả thuận khu vực. Đẩy mạnh, nâng tầm đối ngoại đa phương, nhất là trong ASEAN, Liên hợp quốc. Đảm nhận các trọng trách quốc tế để nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới, nhất là đăng cai tổ chức thành công Năm APEC Việt Nam 2017. Thực hiện có hiệu quả các cam kết quốc tế và các hiệp định thương mại tự do đã ký, tiếp tục đàm phán các hiệp định mới. Tăng cường công tác thông tin đối ngoại, văn hoá đối ngoại, thực hiện tốt công tác bảo hộ công dân, tạo điều kiện cho kiều bào tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

11. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền theo hướng công khai, minh bạch và hiệu quả. Cơ quan nhà nước các cấp có trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin, nhất là tình hình kinh tế - xã hội, các cơ chế, chính sách mới cho cơ quan thông tấn, báo chí. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại về cơ chế, chính sách gắn với sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển và hải đảo Việt Nam.

Phần thứ ba

NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2017

I. NỘI DUNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2017

Các Bộ, ngành trung ương và địa phương căn cứ vào Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 và Khung hướng dẫn kế hoạch này, xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 trong đó lưu ý báo cáo đầy đủ một số nội dung dưới đây:

1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016

Đánh giá và ước tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 trong 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm của ngành, địa phương, bao gồm: tình hình triển khai thực hiện kế hoạch; các kết quả đạt được; tồn tại và khó khăn trong việc thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm; phân tích nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế; ước cả năm; đề xuất các giải pháp thực hiện trong những tháng cuối năm. Đề nghị các Bộ, ngành trung ương báo cáo tình hình thực hiện 6 tháng và ước thực hiện cả năm đối với chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 98/2015/NQ-QH13 ngày 10 tháng 11 năm 2015 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 đã trình Quốc hội.

2. Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017

Căn cứ đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 nêu trên và mục tiêu tổng quát, các nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 quy định tại Chỉ thị số 21/CT-TTg, xây dựng mục tiêu phát triển, các chỉ tiêu chủ yếu, các cân đối lớn, nhiệm vụ và định hướng phát triển, giải pháp thực hiện của ngành, địa phương trong năm 2017. Đối với các chỉ tiêu xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 phải phù hợp với hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, trong đó lưu ý chỉ đưa ra các chỉ tiêu chủ yếu, có phương pháp tính toán rõ ràng, có khả năng thu thập được, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 của ngành, địa phương và quốc gia.

3. Kèm theo nội dung báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017, đề nghị các Bộ, ngành trung ương và địa phương báo cáo đầy đủ các số liệu của ngành, địa phương theo các biểu mẫu kèm theo.

II. TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2017

Quy trình, tiến độ và nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 của các Bộ, ngành trung ương và địa phương được thực hiện theo Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017. Cụ thể như sau:

- Trước ngày 30 tháng 6 năm 2016, các Bộ, ngành trung ương và địa phương hướng dẫn cơ quan, đơn vị cấp dưới xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 theo quy định tại Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2016 và hướng dẫn tại Khung hướng dẫn này.

- Các Bộ, ngành trung ương và địa phương xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017, gửi báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 7 năm 2016.

- Trong tháng 8 năm 2016, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức làm việc để thảo luận về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 của các Bộ, ngành trung ương và địa phương và tiến hành tổng hợp Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 của cả nước.

- Trước ngày 10 tháng 9 năm 2016, các Bộ, ngành trung ương và địa phương, tiếp thu ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan, hoàn chỉnh Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 gửi lại Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Trước ngày 20 tháng 9 năm 2016, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chính phủ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 để Chính phủ cho ý kiến, hoàn chỉnh, trình Quốc hội theo quy định.

- Trong tháng 12 năm 2016, căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 cho các Bộ, ngành trung ương và địa phương.

Trên đây là nội dung khung hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017. Đề nghị các Bộ, ngành trung ương và địa phương căn cứ vào Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, Khung hướng dẫn này, hướng dẫn của Bộ Tài chính về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 và tình hình, đặc điểm cụ thể của từng Bộ, ngành trung ương và địa phương, khẩn trương xây dựng Kế hoạch phát

triển kinh tế - xã hội năm 2017 và gửi Báo cáo bằng văn bản về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2 bản) và qua thư điện tử thktqd@mpi.gov.vn và diaphuong@mpi.gov.vn (đối với báo cáo của các địa phương) và Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 7 năm 2016 để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c TTg);
- Sở KH&ĐT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ (d/s kèm theo);
- Lưu: VT, THKTQD (5b).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

Phụ lục II

Các biểu mẫu xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

(Kèm theo văn bản số 4333/BKHĐT-TH ngày 06 tháng 6 năm 2016)

Biểu 1: Các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp

Biểu 2: Các chỉ tiêu nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, xuất nhập khẩu

Biểu 3: Các chỉ tiêu xã hội

Biểu 4: Các chỉ tiêu môi trường và phát triển bền vững

Biểu 5: Các chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể

Biểu 6: Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Biểu 7: Danh mục các dự án quy hoạch

Tỉnh, thành phố . . . . . .

Biểu số 1

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ TỔNG HỢP

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2015	Năm 2016				Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2017 so với ước thực hiện 2016 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 2016 so với thực hiện 2015 (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8=7/4	9	10=9/7
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP)	Tỷ đồng							
	Trong đó:								
	+ Nông, lâm nghiệp, thuỷ sản	Tỷ đồng							
	+ Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng							
	+ Dịch vụ	Tỷ đồng							
2	GRDP (giá hiện hành)	Tỷ đồng							
	Trong đó:								
	+ Nông, lâm nghiệp, thuỷ sản	Tỷ đồng							
	+ Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng							
	+ Dịch vụ	Tỷ đồng							
3	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2015	Năm 2016				Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2017 so với ước thực hiện 2016 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 2016 so với thực hiện 2015 (%)		
4	Cơ cấu Tổng giá trị gia tăng theo ngành kinh tế *(giá hiện hành)*								
	- Nông, lâm nghiệp, thuỷ sản	%							
	- Công nghiệp và xây dựng	%							
	- Dịch vụ	%							
5	Cơ cấu Tổng giá trị gia tăng theo thành phần kinh tế *(giá hiện hành)*								
	- Quốc doanh Trung ương	%							
	- Quốc doanh địa phương	%							
	- Kinh tế ngoài quốc doanh	%							
	- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	%							
6	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng							
7	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn	Triệu USD							
	Trong đó: Xuất khẩu địa phương (quản lý)	*Triệu USD*							
8	Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn	Triệu USD							
9	Thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn (không bao gồm số bổ sung từ NSTW)	Tỷ đồng							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2015	Năm 2016				Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2017 so với ước thực hiện 2016 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 2016 so với thực hiện 2015 (%)		
	Trong đó:								
	- Thu thuế xuất, nhập khẩu	Tỷ đồng							
	- Thu nội địa	Tỷ đồng							
	Trong đó:								
	+ Thu từ kinh tế Trung ương	Tỷ đồng							
	+ Thu quốc doanh địa phương	Tỷ đồng							
	+ Thu ngoài quốc doanh	Tỷ đồng							
	+ Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	Tỷ đồng							
10	Ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách địa phương (hoặc điều tiết về Ngân sách Trung ương)	Tỷ đồng							
11	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng							
a)	Chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý	Tỷ đồng							
	- Vốn cân đối ngân sách địa phương	Tỷ đồng							
	Trong đó:								
	- Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tỷ đồng							
	- Thu từ xổ số kiến thiết	*Tỷ đồng*							
	- Hỗ trợ có mục tiêu từ Ngân sách Trung ương	Tỷ đồng							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2015	Năm 2016				Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2017 so với ước thực hiện 2016 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 2016 so với thực hiện 2015 (%)		
	- Nguồn ngân sách khác	Tỷ đồng							
b)	Chi thường xuyên	Tỷ đồng							
12	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng							
	- Trung ương quản lý	Tỷ đồng							
	- Địa phương quản lý	Tỷ đồng							
	- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	Triệu USD							
	Trong đó:								
	+ Bên Việt Nam	Triệu USD							
	+ Bên nước ngoài	Triệu USD							

Tỉnh, thành phố . . . . . .

Biểu số 2

CÁC CHỈ TIÊU NÔNG NGHIỆP, CÔNG NGHIỆP, DỊCH VỤ, XUẤT NHẬP KHẨU

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2015	Năm 2016				Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2017 so với ước thực hiện 2016 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 2016 so với thực hiện 2015 (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8=7/4	9	10=9/7
A	**NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THUỶ SẢN**								
1	**Tổng giá trị sản xuất** (Theo giá cố định 2010)	Tỷ đồng							
a)	Nông nghiệp:	Tỷ đồng							
	- Trồng trọt	Tỷ đồng							
	- Chăn nuôi	Tỷ đồng							
b)	Lâm nghiệp:	Tỷ đồng							
c)	Thủy sản:	Tỷ đồng							
	- Nuôi trồng	Tỷ đồng							
	- Khai thác	Tỷ đồng							
2	**Năng suất, sản lượng một số cây trồng chủ yếu trên địa bàn**								
a)	Lúa cả năm:								

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2015	Năm 2016				Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2017 so với ước thực hiện 2016 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 2016 so với thực hiện 2015 (%)		
	- Năng suất	Tạ/ha							
	- Sản lượng	Triệu tấn							
b)	Ngô:								
	- Năng suất	Tạ/ha							
	- Sản lượng	Triệu tấn							
c)	Một số cây lâu năm:								
...	.....								
3	**Sản phẩm chăn nuôi chủ yếu**								
	- Thịt hơi các loại	Nghìn tấn							
	Trong đó: Thịt lợn	*Nghìn tấn*							
4	**Lâm nghiệp**								
	- Diện tích rừng trồng mới tập trung	Nghìn ha							
	- Tỷ lệ che phủ rừng	%							
5	**Diêm nghiệp**								
	- Sản lượng muối sản xuất	Nghìn tấn							
	Trong đó: Muối công nghiệp	*Nghìn tấn*							
6	**Thủy sản**	Nghìn tấn							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2015	Năm 2016				Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2017 so với ước thực hiện 2016 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 2016 so với thực hiện 2015 (%)		
	- Sản lượng khai thác	Nghìn tấn							
	- Sản lượng nuôi trồng	Nghìn tấn							
7	**Phát triển nông thôn**								
	- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%							
	- Số tiêu chí nông thôn mới bình quân đạt được bình quân/xã	Tiêu chí							
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã							
	- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%							
B	**CÔNG NGHIỆP**								
1	**Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá so sánh năm 2010**	**Tỷ đồng**							
2	**Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ theo gốc năm 2010**	%							
	- Công nghiệp khai khoáng	%							
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	%							
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước	%							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2015	Năm 2016				Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2017 so với ước thực hiện 2016 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 2016 so với thực hiện 2015 (%)		
	- Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	%							
3	**Một số sản phẩm chủ yếu:**								
	- ...								
C	**DỊCH VỤ**								
	- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (giá hiện hành)	Tỷ đồng							
	Trong đó:								
	- Bán lẻ hàng hoá	Tỷ đồng							
	- Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tỷ đồng							
	- Du lịch lữ hành	Tỷ đồng							
	- Dịch vụ khác	Tỷ đồng							
D	**XUẤT NHẬP KHẨU**								
	- Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu:								
	+ ...	Triệu USD							
	- Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu:								
	+ ...	Triệu USD							

Tỉnh, thành phố . . . . . .

Biểu số 3

CÁC CHỈ TIÊU XÃ HỘI

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2015	Năm 2016				Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2017 so với ước thực hiện 2016 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 2016 so với thực hiện 2015 (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8=7/4	9	10=9/7
I	**DÂN SỐ**								
	- Dân số trung bình	Triệu người							
	Trong đó: Dân số nông thôn	*Triệu người*							
	Dân số là dân tộc thiểu số	*Nghìn người*							
	- Tuổi thọ trung bình	Tuổi							
	- Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/ 100 bé gái							
II	**LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM**								
	- Tổng số lao động đang làm việc	Ngh.người							
	- Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Ngh.người							
	- Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2015	Năm 2016				Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2017 so với ước thực hiện 2016 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 2016 so với thực hiện 2015 (%)		
III	**GIẢM NGHÈO** (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều)								
	- Tổng số hộ của toàn tỉnh/thành phố	Nghìn hộ							
	- Số hộ nghèo	Nghìn hộ							
	- Tỷ lệ hộ nghèo	%							
	- Số hộ thiếu đói trong năm	Hộ							
	- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%							
	- Số hộ cận nghèo	Nghìn hộ							
	- Tỷ lệ hộ cận nghèo	%							
	- Số hộ thoát nghèo	Nghìn hộ							
	- Số hộ tái nghèo	Nghìn hộ							
IV	**CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU**								
	- Tổng số xã của toàn tỉnh/thành phố	Xã							
	Trong đó:								
	+ Số xã đặc biệt khó khăn (theo tiêu chuẩn của Chương trình 135)	Xã							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2015	Năm 2016				Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2017 so với ước thực hiện 2016 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 2016 so với thực hiện 2015 (%)		
	+ Số xã biên giới (nếu có)								
	+ Số xã bãi ngang (nếu có)								
	+ Số xã có đường ô tô đến trung tâm	Xã							
	+ Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm	%							
	+ Số xã có trạm y tế	Xã							
	+ Tỷ lệ xã có trạm y tế	%							
	+ Số xã phường có nhà văn hoá, thư viện	Xã, phường							
	+ Số xã có bưu điện văn hoá xã	Xã							
	+ Tỷ lệ xã có bưu điện văn hoá xã	%							
	+ Số xã có chợ xã, liên xã	xã							
	+ Tỷ lệ xã có chợ xã, liên xã	%							
	- Số hộ được sử dụng điện	Hộ							
	- Tỷ lệ hộ được sử dụng điện	%							
	- Số hộ được sử dụng nước sạch	Hộ							
	- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch	%							
	Trong đó:								

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2015	Năm 2016				Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2017 so với ước thực hiện 2016 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 2016 so với thực hiện 2015 (%)		
	+ Khu vực thành thị	%							
	+ Khu vực nông thôn	%							
	- Số hộ được dùng nước sạch	%							
V	**Y TẾ - XÃ HỘI**								
	- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%							
	- Số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	Ngh. người							
	- Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường							
	- Số bác sỹ/1 vạn dân	Bác sỹ							
	- Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ làm việc	%							
	- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%							
	- Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰							
	- Tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi	‰							
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2015	Năm 2016				Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2017 so với ước thực hiện 2016 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 2016 so với thực hiện 2015 (%)		
	- Số xã, phường đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	xã, phường							
	- Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em	%							

Tỉnh, thành phố . . . . . .

Biểu số 4

CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2015	Năm 2016				Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2017 so với ước thực hiện 2016 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 2016 so với thực hiện 2015 (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8=7/4	9	10=9/7
1	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%							
2	Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý (*)	%							
3	Số khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động	Khu							
4	Số khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Khu							
5	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%							

Ghi chú: (*) Giai đoạn 2011-2015 thực hiện theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg; giai đoạn 2016-2020 thực hiện theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ

Tỉnh, thành phố . . .

Biểu số 5

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VÀ KINH TẾ TẬP THỂ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2015	Năm 2016				Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2017 so với ước thực hiện 2016 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 2016 so với thực hiện 2015 (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8=7/4	9	10=9/7
A	**PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP**								
I	**Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước (DNNN)**								
1	Số lượng doanh nghiệp	Doanh nghiệp							
2	Tổng vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp	Triệu đồng							
3	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng							
4	Tổng lợi nhuận								
5	Hình thức sắp xếp doanh nghiệp	Triệu đồng							
	- Số doanh nghiệp giữ nguyên 100% vốn nhà nước								
	- Số doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa								
	- Số doanh nghiệp sắp xếp theo hình thức khác (bán, hợp nhất, sáp nhập,...)								
II	**Doanh nghiệp ngoài nhà nước**								

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2015	Năm 2016				Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2017 so với ước thực hiện 2016 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 2016 so với thực hiện 2015 (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8=7/4	9	10=9/7
1	Số doanh nghiệp đang hoạt động (lũy kế đến kỳ báo cáo)	Doanh nghiệp							
	Trong đó: Số doanh nghiệp có phần vốn của nhà nước								
2	Số doanh nghiệp tư nhân trong nước đăng ký thành lập mới	Doanh nghiệp							
3	Tổng số vốn đăng ký của doanh nghiệp tư nhân trong nước	Doanh nghiệp							
	Trong đó: Tổng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp có phần vốn của nhà nước								
4	Số doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động	Doanh nghiệp							
5	Số doanh nghiệp kinh doanh có lãi	Doanh nghiệp							
6	Số doanh nghiệp kinh doanh lỗ								
7	Tổng số lao động trong doanh nghiệp	Người							
8	Thu nhập bình quân người lao động	Triệu đồng							
9	Tổng vốn đầu tư thực hiện	Triệu đồng							
	Trong đó: Tổng vốn đầu tư thực hiện của doanh nghiệp có vốn nhà nước								

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2015	Năm 2016				Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2017 so với ước thực hiện 2016 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 2016 so với thực hiện 2015 (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8=7/4	9	10=9/7
	Tổng doanh thu								
	Tổng tài sản								
	Tổng vốn chủ sở hữu								
	Tổng lợi nhuận								
	Tổng lỗ								
	Tổng đóng góp ngân sách nhà nước								
	Tổng ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa								
B	**PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ**								
I	**Hợp tác xã**								
1	Tổng số hợp tác xã	Hợp tác xã							
	Trong đó:								
-	Số hợp tác xã thành lập mới	Hợp tác xã							
-	Số hợp tác xã giải thể	Hợp tác xã							
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người							
3	Tổng số lao động trong hợp tác xã	Người							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2015	Năm 2016				Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2017 so với ước thực hiện 2016 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 2016 so với thực hiện 2015 (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8=7/4	9	10=9/7
	Trong đó: Số lao động là thành viên hợp tác xã	Người							
II	**Liên hiệp hợp tác xã**								
-	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	Liên hiệp hợp tác xã							
	Trong đó: Số liên hiệp hợp tác xã thành lập mới	Liên hiệp hợp tác xã							
III	**Tổ hợp tác**								
1	Tổng số tổ hợp tác	Tổ hợp tác							
	Trong đó: Số tổ hợp tác đăng ký chứng thực	Tổ hợp tác							
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên							

Tỉnh, thành phố .....

Biểu số 6

ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

Mã chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2015	Năm 2016				Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2017 so với ước thực hiện 2016 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 2016 so với thực hiện 2015 (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8=7/4	9	10=9/7
A	**Tình hình thực hiện**								
A1	Vốn đầu tư thực hiện	Triệu USD							
A2	*Trong đó, từ nước ngoài*	*Triệu USD*							
A3	Doanh thu	Triệu USD							
A4	Số lao động	Người							
A5	Nộp ngân sách	Triệu USD							
B	**Tình hình cấp GCNĐT**								
B1	**Cấp mới**								
B11	Số dự án	Dự án							
B12	Vốn đầu tư đăng ký mới	Triệu USD							
B2	**Điều chỉnh vốn**								

Mã chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2015	Năm 2016				Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2017 so với ước thực hiện 2016 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 2016 so với thực hiện 2015 (%)		
B21	Số lượt dự án điều chỉnh tăng vốn	lượt dự án							
B22	Vốn đầu tư điều chỉnh tăng	Triệu USD							
B23	Số lượt dự án điều chỉnh giảm vốn	lượt dự án							
B24	Vốn đầu tư điều chỉnh giảm	Triệu USD							
B3	**Vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm**	**Triệu USD**							
C	**Tình hình thu hồi GCNĐT**				(*)				
C1	Số dự án	Dự án							
C2	Vốn đăng ký	Triệu USD							
D	**Tình hình tiếp nhận**								
D1	Số dự án tiếp nhận	Dự án							
D2	Vốn đăng ký của các dự án tiếp nhận	Triệu USD							
	Trong đó, đã cấp GCNĐT								
D3	Số dự án	Dự án							
D4	Vốn đăng ký	Triệu USD							
	Chưa cấp								

Mã chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2015	Năm 2016				Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2017 so với ước thực hiện 2016 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 2016 so với thực hiện 2015 (%)		
D5	Số dự án	Dự án							
D6	Vốn đăng ký	Triệu USD							

Chú thích

(*) Không áp dụng

B21 và B23 ghi số lượt điều chỉnh vốn (ví dụ 1 dự án điều chỉnh vốn 2 lần trong kỳ báo cáo thì tính là 2 lượt)

B3=B12+B22-B24

D1=D3+D5; D2=D4+D6

Tỉnh, thành phố.....

Biểu số 7

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN QUY HOẠCH

Đơn vị: Triệu đồng

TT		Cấp phê duyệt	Thời gian bắt đầu - kết thúc	Tổng dự toán được duyệt	Năm 2016		Kế hoạch năm 2017		
							Tổng số	Trong đó	
					Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	TỔNG SỐ								
1	Dự án quy hoạch chuyển tiếp:								
	- Dự án quy hoạch.....								
	- Dự án quy hoạch.....								
2	Dự án quy hoạch triển khai mới:								
	- Dự án quy hoạch.....								
	- Dự án quy hoạch.....								

Ghi chú: Tập trung vào điều chỉnh các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 cho phù hợp với thực tiễn triển khai thực hiện quy hoạch. Hạn chế triển khai lập mới quy hoạch, trừ trường hợp thực sự cần thiết và cấp bách